



TÀI LIỆU TRẮC NGHIỆM KINH TẾ CHÍNH TRỊ W1-W10

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Phương Dung

Biên soạn: Tài liệu HUST

TEST TRẮC NGHIỆM

I. TUẦN SỐ 01

Câu 1: Thuật ngữ "Kinh tế chính trị" xuất hiện đầu tiên vào năm nào?

- A. 1615
- B. 1516
- C. 1156
- D. 1651

Câu 2: Ai là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ khoa học "Kinh tế chính trị"?

- A. Antoine Montchretien
- B. William Petty
- C. Tomas Mun
- D. Karl Max

Câu 3: Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh. Đúng hay Sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4: Đây là các mặt trong quan hệ sản xuất giữa người với người?

- A. Quan hệ sở hữu về Tư liệu sản xuất
- B. Quan hệ phân phối
- C. Quan hệ quản lý
- D. Quan hệ trao đổi, mua bán
- E. Quan hệ trong kinh doanh
- F. Quan hệ xã hội

Câu 5: Trong các mặt của quan hệ sản xuất, mặt nào quan trọng nhất, quyết định các mặt còn lại?

- A. Quan hệ sở hữu về Tư liệu sản xuất
- B. Quan hệ phân phối
- C. Quan hệ quản lý
- D. Quan hệ xã hội



Câu 6: Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là gì?

- A. Quan hệ sản xuất đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với trình độ phát triển của Lực lượng sản xuất và Kiến trúc thượng tầng
- B. Quan hệ trao đổi, mua bán giữa người với người trong Chủ nghĩa Tư bản
- C. Các giải pháp giúp cho Nhà tư bản tối đa hoá Giá trị thặng dư trong Chủ nghĩa tư bản
- D. Các công cụ kinh tế được Nhà nước áp dụng để điều tiết nền kinh tế

Câu 7: Gạt bỏ các hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giữ lại những mối liên hệ phổ biến mang tính bản chất là phương pháp nghiên cứu gì?

- A. Phương pháp Duy vật biện chứng
- B. Phương pháp Nghiên cứu trừu tượng
- C. Phương pháp Logic Lịch sử
- D. Phương pháp Duy vật siêu hình

Câu 8: Khi nghiên cứu đối tượng, phải luôn đặt đối tượng trong một tiến trình vận động để từ đó mà xác định được bản chất

- A. Phương pháp Duy vật biện chứng
- B. Phương pháp Nghiên cứu trừu tượng
- C. Phương pháp Logic Lịch sử
- D. Phương pháp Duy vật siêu hình

Câu 9: Xét trong tổng thể, chân lý luôn tuyệt đối. Đúng hay Sai?

- A. Sai
- B. Đúng

Câu 10: Ai là đại diện cho trường phái Kinh tế Chính trị tư sản cổ điển Anh?

- A. Adam Smith
- B. Karl Max
- C. Tomas Mun
- D. Antoni Moncretien



II. TUẦN SỐ 02

Câu 1: Yếu tố tác động Giá cả hàng hoá trên thị trường là?

- A. Giá trị của hàng hóa
- B. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp
- C. Giá trị của đồng tiền
- D. Cung cầu của hàng hóa trên thị trường

Câu 2: "Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa các nhà sản xuất" nghĩa là:

- A. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu tư liệu tiêu dùng.
- B. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu tư liệu sản xuất
- C. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về chuyên môn, nghiệp vụ
- D. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu sức lao động

Câu 3: Giá trị của hàng hóa là:

- A. Hao phí lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- B. Công dụng của sản phẩm, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- C. Quan hệ tỷ lệ về lượng khi trao đổi hàng hóa này với hàng hóa khác
- D. Lượng hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

Câu 4: Đặc trưng của thuộc tính Giá trị hàng hóa là:

- A. Được thể hiện trong tiêu dùng
- B. Chỉ tồn tại khi có sự trao đổi hàng hóa
- C. Là phạm trù vĩnh viễn
- D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 5: Điều kiện ra đời và tồn tại nền sản xuất hàng hóa:

- A. Phân công lao động theo nguyên tắc chuyên môn hóa và tồn tại sự tách biệt tương đối về mặt xã hội giữa những người sản xuất
- B. Phân công lao động xã hội đạt tới trình độ nhất định và tồn tại tách biệt tuyệt đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất



- C. Phân công lao động xã hội đạt tới trình độ nhất định và tồn tại sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất
- D. Phân công lao động theo nguyên tắc chuyên môn hóa và tồn tại sự tách biệt tuyệt đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất

Câu 6: Sản xuất hàng hóa là:

- A. Là kiểu tổ chức xã hội mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán
- B. Là kiểu tổ chức chính trị mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán
- C. Là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích để trao đổi, mua bán
- D. Là kiểu tổ chức sản xuất – tiêu dùng mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi mua bán

Câu 7: Lựa chọn nào dưới đây không phải là hàng hóa?

- A. Khẩu trang y tế bán ở hiệu thuốc
- B. Su hào giải cứu được bày bán
- C. Vaccine Covid-19 được nhập khẩu
- D. Rau quả được nông dân tặng cho khu cách ly

Câu 8: Hai thuộc tính của hàng hóa là:

- A. Giá trị sử dụng và Giá cả
- B. Giá trị trao đổi và Giá trị
- C. Giá trị sử dụng và Giá trị
- D. Giá trị sử dụng và Giá trị trao đổi

Câu 9: Điều không phải là đặc trưng Giá trị sử dụng của hàng hóa?

- A. Là phạm trù vĩnh viễn
- B. Trong nền SXHH, Giá trị sử dụng là cho người khác
- C. Tất cả các phương án trên đều đúng
- D. Được thể hiện trong lưu thông



Câu 10: Ảnh hưởng của năng suất lao động tới lượng giá trị của hàng hóa như thế nào?

- A. NSLĐ tỷ lệ thuận với giá trị một đơn vị sản phẩm
- B. NSLĐ tỷ lệ nghịch với giá trị tổng sản phẩm
- C. NSLĐ tỷ lệ nghịch với giá trị một đơn vị sản phẩm
- D. NSLĐ tỷ lệ thuận với giá trị tổng sản phẩm





III. TUẦN SỐ 03

Câu 1: Lựa chọn nào sau đây mô tả không đúng với Hình thái tiền tệ?

- A. Tiền bắt buộc phải được Nhà nước phát hành dùng cho xã hội
- B. Vật ngang giá chung được toàn xã hội thống nhất ở một loại hàng hoá đặc biệt
- C. Vàng là vật ngang giá chung cho thế giới hàng hoá
- D. Tiền tệ trở thành phương tiện trung gian trao đổi hàng hoá

Câu 2: Hình thái đo lường nào của giá trị dựa trên hành vi trao đổi trực tiếp

- A. Hình thái giản đơn
- B. Hình thái toàn bộ
- C. Hình thái chung
- D. Hình thái tiền tệ

Câu 3: Đây là chức năng gốc của tiền?

- A. Chức năng phương tiện lưu thông
- B. Chức năng phương tiện thanh toán
- C. Chức năng thước đo giá trị
- D. Chức năng phương tiện cất trữ

Câu 4: Đây là chức năng của tiền?

- A. Chức năng tiền tệ thế giới
- B. Chức năng phương tiện lưu thông
- C. Chức năng thước đo giá trị
- D. Chức năng phương tiện cất trữ

Câu 5: Lựa chọn nào sau đây đúng với thứ tự phát triển các hình thái đo lường giá trị của hàng hóa?

- A. Hình thái giản đơn, hình thái chung, hình thái mở rộng, hình thái tiền tệ
- B. Hình thái ngẫu nhiên, hình thái chung, hình thái toàn bộ, hình thái tiền tệ
- C. Hình thái ngẫu nhiên, hình thái toàn bộ, hình thái chung, hình thái tiền tệ
- D. Hình thái giản đơn, hình thái chung, hình thái tiền tệ, hình thái toàn bộ



Câu 6: Trong các chức năng của tiền, chức năng nào tiền nhất thiết phải gắn với tiền vàng, tiền bạc?

- A. Chức năng phương tiện lưu thông
- B. Chức năng phương tiện thanh toán
- C. Chức năng phương tiện cất trữ
- D. Chức năng thước đo giá trị trong dài hạn

Câu 7: Trong các chức năng của tiền dưới đây, chức năng nào không nhất thiết gắn với vàng, bạc?

- A. Chức năng phương tiện lưu thông
- B. Chức năng phương tiện thanh toán
- C. Chức năng phương tiện cất trữ
- D. Chức năng tiền tệ thế giới

Câu 8: Tiền nhất thiết phải có đủ giá trị khi thực hiện chức năng:

- A. Chức năng phương tiện lưu thông
- B. Chức năng phương tiện cất trữ
- C. Chức năng phương tiện thanh toán
- D. Tất cả các chức năng của tiền

Câu 9: Tiền có mấy chức năng?

- A. 2 chức năng
- B. 3 chức năng
- C. 4 chức năng
- D. 5 chức năng

Câu 10: Tiền được dùng để trả nợ, khi đó tiền thực hiện chức năng gì?

- A. Chức năng thước đo giá trị
- B. Chức năng phương tiện lưu thông
- C. Chức năng phương tiện thanh toán
- D. Chức năng tiền tệ thế giới



IV. TUẦN SỐ 04

Câu 1: Ý nghĩa của quy luật lưu thông tiền tệ là?

- A. Xác định khối lượng tiền đưa vào lưu thông
- B. Xác định giá cả hàng hoá
- C. Xác định sản lượng hàng hoá
- D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 2: Quy luật cung cầu có tác dụng gì?

- A. Điều tiết giá cả thị trường trong dài hạn
- B. Xác định giá cả thị trường trong ngắn hạn
- C. Xác định giá trị thị trường trong dài hạn
- D. Xác định giá trị thị trường trong ngắn hạn

Câu 3: Sản xuất và lưu thông hàng hóa chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế nào?

- A. Quy luật Giá trị
- B. Quy luật lưu thông tiền tệ
- C. Quy luật cạnh tranh
- D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 4: Những ưu thế, lợi ích mà các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau?

- A. Nguồn nguyên vật liệu
- B. Thị trường đầu tư
- C. Hợp đồng mua bán
- D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 5: Quy luật giá trị có yêu cầu gì?

- A. Sản xuất hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
- B. Lưu thông hàng hoá phải dựa trên nguyên tắc ngang giá
- C. Giá trị sản phẩm cá biệt phải nhỏ hơn hoặc bằng Giá trị thị trường
- D. Tất cả phương án đều đúng



Câu 6: Vai trò chủ yếu của nhà nước khi tham gia thị trường?

- A. Sản xuất và cung cấp hàng hoá cho thị trường
- B. Tiêu thụ hàng hoá cho thị trường
- C. Kết nối doanh nghiệp ở các quốc gia
- D. Điều tiết nền kinh tế vĩ mô thông qua luật pháp, chính sách

Câu 7: Chức năng thực hiện giá trị của thị trường là sau khi bán hàng người bán thu được tiền về trên thị trường, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 8: Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông như thế nào so với tốc độ lưu thông của tiền tệ

- A. Tỷ lệ nghịch
- B. Tỷ lệ thuận
- C. Bằng nhau
- D. Lớn hơn

Câu 9: Theo quy luật giá trị, lưu thông hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá nghĩa là gì?

- A. Giá cả độc lập với Giá trị nhưng luôn vận động xoay quanh Giá trị
- B. Giá cả thị trường bằng với Giá trị của hàng hoá
- C. Giá cả thị trường luôn cao hơn Giá trị của hàng hoá
- D. Giá cả thị trường luôn thấp hơn Giá trị của hàng hoá

Câu 10: Quy luật giá trị là quy luật cơ bản của nền sản xuất hàng hóa vì sao?

- A. Quy luật Giá trị điều tiết Giá cả trong dài hạn
- B. Quy luật Giá trị điều tiết sản xuất hàng hoá
- C. Quy luật Giá trị điều tiết lưu thông hàng hoá
- D. Tất cả phương án đều đúng



V. TUẦN SỐ 05

Câu 1: Sức lao động trở thành hàng hóa một cách phổ biến khi nào?

- A. Trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa
- B. Trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn
- C. Trong nền sản xuất tự cung tự cấp
- D. Trong nền sản xuất lớn hiện đại

Câu 2: Giá trị thặng dư là gì?

- A. Một phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không
- B. Một phần giá trị cũ dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không
- C. Một phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị TLSX do người công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không
- D. Một phần giá trị cũ dôi ra ngoài giá trị TLSX do người công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không

Câu 3: Nguồn gốc của Giá trị thặng dư là từ đâu?

- A. Lao động
- B. Trao đổi
- C. Tiêu dùng
- D. Đầu tư

Câu 4: Giá trị mới của một đơn vị sản phẩm là:

- A. $v+m$
- B. m
- C. v
- D. $c+v+m$

Câu 5: Đây là điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- A. Người lao động phải được tự do về thân thể
- B. Người lao động bị tước đoạt hết TLSX
- C. Người lao động bị thất nghiệp
- D. Người lao động sở hữu TLSX



Câu 6: Giá trị sức lao động của một công nhân được ký hiệu là gì?

- A. v
- B. m
- C. c
- D. w

Câu 7: Giá trị thặng dư do một công nhân tạo ra là gì?

- A. v
- B. m
- C. w
- D. c

Câu 8: Mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản là:

- A. Mâu thuẫn giữa sản xuất và lưu thông
- B. Dường như lưu thông vừa tạo ra giá trị thặng dư, vừa không tạo ra giá trị thặng dư
- C. Mâu thuẫn giữa lưu thông và không lưu thông hàng hoá
- D. Mâu thuẫn giữa Giá trị và giá trị sử dụng

Câu 9: Lựa chọn nào được coi là tư bản?

- A. Tiền đầu tư bất động sản
- B. Tiền chơi chứng khoán
- C. Xe đạp để tập thể dục
- D. Xe máy để chạy grab

Câu 10: Giá trị thặng dư phản ánh mối quan hệ giữa:

- A. Người lao động và Nhà tư bản
- B. Người lao động với nhau
- C. Nhà tư bản với nhau
- D. Tất cả các phương án đều đúng



VI. TUẦN SỐ 06

Câu 1: Kéo dài thời gian lao động trong ngày mà không trả thêm lương tương xứng cho công nhân là phương pháp sản xuất GTTD nào?

- A. PPSX GTTD tương đối
- B. PPSX GTTD siêu ngạch
- C. PPSX GTTD tuyệt đối
- D. Tất cả phương án đều sai

Câu 2: Tích tụ tư bản phản ánh mối quan hệ giữa:

- A. Các nhà tư bản với nhau
- B. Nhà tư bản với Lao động làm thuê
- C. Các lao động làm thuê với nhau
- D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 3: Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từ đó, nâng cao Năng suất lao động xã hội, giảm giá trị sức lao động tạo ra một sản phẩm là phương thức nào?

- A. PPSX GTTD tương đối
- B. Tích lũy tư bản
- C. PPSX GTTD tuyệt đối
- D. Tích lũy tư bản kết hợp với PPSX GTTD tuyệt đối

Câu 4: Rút ngắn thời gian lao động tất yếu đồng thời kéo dài thời gian lao động thặng dư tương ứng là phương pháp sản xuất GTTD nào?

- A. PPSX GTTD tương đối
- B. PPSX GTTD siêu ngạch
- C. PPSX GTTD tuyệt đối
- D. Tất cả phương án đều sai

Câu 5: Loại GTTD nào phản ánh mối quan hệ giữa các Nhà tư bản với nhau?

- A. GTTD tương đối
- B. GTTD siêu ngạch
- C. GTTD tuyệt đối
- D. Tất cả các phương án đều đúng



Câu 6: Tập trung tư bản phản ánh mối quan hệ giữa:

- A. Người lao động làm thuê với nhau
- B. Nhà tư bản với nhau
- C. Nhà tư bản và lao động làm thuê
- D. Tất cả phương án đều sai

Câu 7: Loại GTTD nào phản ánh mối quan hệ giữa Nhà tư bản với công nhân làm thuê?

- A. GTTD tương đối
- B. GTTD siêu ngạch
- C. GTTD tuyệt đối
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 8: Điểm giống nhau giữa tích tụ tư bản và tích lũy tư bản là:

- A. Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt
- B. Đều làm tăng quy mô tư bản xã hội
- C. Đều làm tăng thời gian lao động
- D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 9: Muốn có được GTTD siêu ngạch, Nhà tư bản phải:

- A. Có Năng suất lao động cá biệt > Năng suất lao động thị trường
- B. Rút ngắn thời gian lao động tất yếu, kéo dài thời gian lao động thặng dư
- C. Kéo dài thời gian lao động trong ngày mà không trả thêm lương cho người công nhân
- D. Có giá trị hàng hóa cá biệt > Giá trị hàng hóa thị trường

Câu 10: Mục đích của Chủ nghĩa tư bản là:

- A. Sản xuất và chiếm đoạt giá trị thặng dư
- B. Sản xuất và chiếm đoạt Giá trị sức lao động
- C. Sản xuất và chiếm đoạt Giá trị tư liệu sản xuất
- D. Chiếm đoạt Giá trị sức lao động và Giá trị thặng dư

**VII. TUẦN SỐ 07**

Nhà tư bản ngành cơ khí chế tạo máy đã ứng ra chi phí sản xuất với cấu tạo hữu cơ tư bản 9/1, và có trình độ bóc lột 188%. Về sau, năng suất lao động xã hội trong toàn bộ chuỗi sản xuất hàng tiêu dùng tăng lên, làm cho mặt bằng giá trị hàng tiêu dùng giảm 10%, nên nhà tư bản đã giảm lương công nhân tương ứng. Tuy nhiên, năng suất lao động, thời gian lao động 8h/ngày của công nhân, và quy mô sản lượng là không thay đổi. Kết quả, về sau tổng chi phí sản xuất là 3.960.000\$.

Câu 1: Tỷ suất Giá trị thặng dư về sau là bao nhiêu %?

- A. 200
- B. 220
- C. 230
- D. 240

Câu 2: Tổng chi phí Nhân công về sau là bao nhiêu USD?

- A. 370000
- B. 360000
- C. 350000
- D. 340000

Câu 3: Tổng chi phí Tư liệu sản xuất ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 3600000
- B. 3700000
- C. 3800000
- D. 3500000

Câu 4: Khối lượng Giá trị thặng dư ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 752000
- B. 753000
- C. 751000
- D. 756000

Câu 5: Khối lượng Giá trị thặng dư về sau là bao nhiêu USD?

- A. 794000
- B. 793000



- C. 792000
- D. 796000

Câu 6: Tỷ suất Lợi nhuận về sau là bao nhiêu %?

- A. 25
- B. 20
- C. 30
- D. 40

Câu 7: Sự thay đổi của Tỷ suất GTTD là do NTB áp dụng phương pháp gì?

- A. PPSX Giá trị thặng dư tuyệt đối
- B. PPSX Giá trị thặng dư tương đối
- C. Tích lũy tư bản
- D. Tích lũy tư bản kết hợp với Sản xuất GTTD tuyệt đối

Câu 8: Tổng chi phí Nhân công ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 600000
- B. 300000
- C. 500000
- D. 400000

Câu 9: Giá trị tổng sản phẩm ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 4752000
- B. 4756000
- C. 4754000
- D. 4852000

Câu 10: Chi phí Sản xuất về sau là bao nhiêu?

- A. 3995200
- B. 3968500
- C. 3960000
- D. 3971000

**VIII. TUẦN SỐ 08**

Ban đầu, nhà tư bản có trình độ bóc lột 240% và thuê 250 công nhân làm việc, mỗi công nhân tạo nên giá trị mới là 4080 USD. Sau đó, 80% giá trị thặng dư được dùng để tích lũy tư bản, làm cho cấu tạo hữu cơ tư bản tăng từ 17/3 lên thành 143/18, trong khi tiền lương công nhân giữ nguyên. Kết quả về sau tỷ suất lợi nhuận đạt 47%

Câu 1: Tổng chi phí nhân công về sau là bao nhiêu USD?

- A. 287000
- B. 288000
- C. 289000
- D. 290000

Câu 2: Tổng Chi phí Sản xuất về sau là bao nhiêu USD?

- A. 2576000
- B. 2586000
- C. 2579000
- D. 2578000

Câu 3: Tỷ suất lợi nhuận ban đầu là bao nhiêu %?

- A. 50
- B. 46
- C. 36
- D. 52

Câu 4: Khối lượng Giá trị thặng dư về sau là bao nhiêu USD?

- A. 1211720
- B. 1210720
- C. 1310720
- D. 1310820

Câu 5: Sự thay đổi của Tỷ suất GTTD là do NTB áp dụng phương pháp gì?

- A. PPSX Giá trị thặng dư tuyệt đối
- B. PPSX Giá trị thặng dư tương đối
- C. Tích lũy tư bản
- D. Tích lũy tư bản kết hợp với Sản xuất GTTD tuyệt đối



Câu 6: Tổng chi phí nhân công ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 400000
- B. 300000
- C. 500000
- D. 600000

Câu 7: Tỷ suất giá trị thặng dư về sau là bao nhiêu %?

- A. 322
- B. 350
- C. 400
- D. 420

Câu 8: Số lượng công nhân bị sa thải dẫn tới thất nghiệp là bao nhiêu người?

- A. 50
- B. 20
- C. 30
- D. 10

Câu 9: Khối lượng Giá trị thặng dư ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 720000
- B. 730000
- C. 740000
- D. 750000

Câu 10: Chi phí Sản xuất về sau là bao nhiêu?

- A. 2288000
- B. 3968500
- C. 3960000
- D. 3971000

**IX. TUẦN SỐ 09**

Ban đầu, nhà tư bản có trình độ bóc lột 200%, đầu tư với cấu tạo tư bản 4/1, thuê công nhân làm việc 8h/ngày, tạo nên khối lượng giá trị mới 1.800.000 USD. Sau đó, nhà tư bản lấy một phần giá trị thặng dư tích lũy, để đầu tư thêm 37,5% tư liệu sản xuất, đồng thời kéo dài thêm 37,5% thời gian làm việc của công nhân mà không trả thêm lương. Bằng cách đó, về sau quy mô sản lượng tăng thêm 37,5%, trong khi năng suất lao động không đổi.

Câu 1: Thời gian lao động tất yếu ban đầu là bao nhiêu phút?

- A. 160
- B. 180
- C. 170
- D. 150

Câu 2: Thời gian lao động tất yếu về sau là bao nhiêu phút?

- A. 150
- B. 160
- C. 170
- D. 140

Câu 3: Thời gian lao động thặng dư ban đầu là bao nhiêu phút?

- A. 350
- B. 340
- C. 320
- D. 300

Câu 4: Thời gian lao động thặng dư về sau là bao nhiêu phút?

- A. 300
- B. 600
- C. 400
- D. 500

Câu 5: Thời gian lao động một ngày về sau là bao nhiêu phút?

- A. 680
- B. 660
- C. 670



D. 690

Câu 6: Tổng Chi phí nhân công ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 400000
- B. 600000
- C. 500000
- D. 700000

Câu 7: Tổng Chi phí nhân công về sau là bao nhiêu USD?

- A. 500000
- B. 600000
- C. 700000
- D. 800000

Câu 8: Khối lượng giá trị thặng dư (quy mô bóc lột) về sau là bao nhiêu USD?

- A. 1874200
- B. 1876000
- C. 1875000
- D. 1873400

Câu 9: Chi phí Tư liệu sản xuất (giá trị cũ) ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 2400000
- B. 2600000
- C. 2500000
- D. 2700000

Câu 10: Chi phí sản xuất về sau là bao nhiêu USD?

- A. 3900000
- B. 4000000
- C. 3800000
- D. 3600000



Câu 11: Giá trị tổng sản phẩm ban đầu là bao nhiêu USD?

- A. 4200000
- B. 4300000
- C. 4000000
- D. 4500000

Câu 12: Giá trị tổng sản phẩm về sau là bao nhiêu USD?

- A. 2576000
- B. 2586000
- C. 5775000
- D. 2578000

Câu 13: Tỷ suất lợi nhuận ban đầu là bao nhiêu %?

- A. 2478000
- B. 2477000
- C. 2476000
- D. 2475000

Câu 14: Tỷ suất lợi nhuận ban đầu là bao nhiêu %?

- A. 30
- B. 40
- C. 50
- D. 60

Câu 15: Khối lượng giá trị thặng dư về sau tăng lên bao nhiêu USD?

- A. 680000
- B. 675000
- C. 670000
- D. 690000

Câu 16: Giá trị thặng dư được dùng để tích lũy là bao nhiêu USD?

- A. 900000
- B. 300000
- C. 800000
- D. 600000



Câu 17: Tỷ lệ tích lũy là bao nhiêu %?

- A. 75
- B. 80
- C. 65
- D. 60

Câu 18: Tỷ suất Giá trị thặng dư về sau thay đổi như thế nào?

- A. Tăng lên 312,5%
- B. Tăng thêm 137,5%
- C. Không đổi
- D. Tăng gấp 1.5 lần

Câu 19: Vì sao tỷ suất Giá trị thặng dư thay đổi?

- A. Do NTB áp dụng PPSX GTTD tương đối
- B. Do NTB áp dụng PPSX GTTD tuyệt đối
- C. Do NTB tích lũy tư bản làm Cấu tạo hữu cơ tư bản tăng
- D. Do NTB vừa tích lũy tư bản vừa áp dụng PPSX GTTD tuyệt đối

Câu 20: Tỷ suất lợi nhuận về sau thay đổi như thế nào?

- A. Giảm xuống
- B. Tăng lên
- C. Không đổi
- D. Bằng 0



X. TUẦN SỐ 10

Câu 1: Thời điểm nào chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển hoá thành chủ nghĩa tư bản độc quyền?

- A. Cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII
- B. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- C. Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX
- D. Từ sau chiến tranh thế giới thứ 2

Câu 2: Tư bản tài chính thực hiện cơ chế uỷ thác bằng cách đầu tư tư bản thông qua Quỹ đầu tư. Đúng hay Sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 3: Xuất khẩu hàng hoá là:

- A. Bán hàng hoá ở nước ngoài
- B. Đưa hàng hoá ra nước ngoài
- C. Sản xuất kinh doanh ở nước ngoài
- D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 4: Điểm giống giữa tổ chức độc quyền dưới hình thức Trust và Cartel là gì?

- A. Đều có khả năng thao túng một ngành hàng
- B. Đều thống nhất về khâu tiêu thụ hàng hoá
- C. Đều độc lập về khâu sản xuất
- D. Đều thống nhất về khâu mua các yếu tố đầu vào

Câu 5: Nhà lý luận nào sau đây nghiên cứu về Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước?

- A. Adam Smith
- B. Karl Marx
- C. Friedrich Engels
- D. Vladimir Ilyich Lenin

Câu 6: Điểm giống nhau giữa Concern và Conglomerate là gì?

- A. Concern và Conglomerate là tổ chức độc quyền chi phối nhiều ngành hàng
- B. Concern và Conglomerate là tổ chức độc quyền chi phối một ngành hàng
- C. Concern và Conglomerate có khả năng thao túng thị trường toàn cầu
- D. Concern và Conglomerate là các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia



Câu 7: Hoạt động nào là xuất khẩu tư bản trực tiếp?

- A. Đầu tư chứng khoán ở nước ngoài
- B. Thiết lập cơ sở sản xuất kinh doanh ở nước ngoài
- C. Mua lại các công ty đang hoạt động ở nước ngoài
- D. Cho doanh nghiệp nước ngoài vay vốn kinh doanh

Câu 8: Tập đoàn Unilever xây dựng nhà máy tại tỉnh Bắc Ninh (Việt Nam) để sản xuất hoá mỹ phẩm. Đây là hình thức xuất khẩu tư bản gì?

- A. Xuất khẩu tư bản gián tiếp
- B. Xuất khẩu tư bản cho vay
- C. Xuất khẩu tư bản trực tiếp
- D. Xuất khẩu tư bản nhà nước

Câu 9: Hình thức tổ chức độc quyền nào độc lập về sản xuất hàng hoá?

- A. Cartel và Syndicate
- B. Sydicate và Trust
- C. Trust và Cartel
- D. Concern và Cartel

Câu 10: Điểm khác biệt giữa hai hình thức tổ chức độc quyền Concern và Conglomerate đó là:

- A. Các ngành của Concern có liên hệ về kỹ thuật còn các ngành của Conglomerate không nhất thiết phải liên hệ về kỹ thuật
- B. Concern chi phối thị trường toàn cầu còn Conglomerate chi phối thị trường trong phạm vi một quốc gia
- C. Các ngành của Concern không nhất thiết liên hệ về kỹ thuật còn các ngành của Conglomerate nhất thiết phải liên hệ về kỹ thuật
- D. Concern chi phối thị trường một quốc gia còn Conglomerate chi phối thị trường toàn cầu

Câu 11: Hoạt động nào không phải là xuất khẩu tư bản?

- A. Trung Quốc đầu tư Nhà máy sản xuất Điện thoại Huawei tại thung lũng Silicon
- B. Tesla đầu tư nhà máy sản xuất xe điện ở Trung Quốc
- C. Việt Nam xuất khẩu giày da sang châu Âu
- D. Viettel thành lập công ty Unitel tại Lào

Câu 12: Tư bản tài chính là sự thâm nhập, dung hợp lẫn nhau giữa:



- A. Tư bản độc quyền công nghiệp với nhau
- B. Tư bản độc quyền ngân hàng với nhau
- C. Tư bản độc quyền công nghiệp & Tư bản độc quyền ngân hàng
- D. Tất cả phương án đều sai

Câu 13: Tư bản tài chính thực hiện cơ chế tham dự bằng cách nắm giữ cổ phần khống chế nhiều tổ chức độc quyền lớn ở nhiều ngành hàng. Đúng hay Sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 14: Điểm giống nhau giữa xuất khẩu tư bản và xuất khẩu hàng hoá:

- A. Đầu tư vốn kinh doanh ở nước ngoài
- B. Bán hàng hoá ở nước ngoài
- C. Sản xuất hàng hoá ở nước ngoài
- D. Nhập nguyên vật liệu nước ngoài

Câu 15: Sự khác biệt giữa hai hình thức tổ chức độc quyền Trust và Syndicate, đó là:

- A. Các thành viên của Syndicate độc lập về sản xuất, còn các thành viên của Trust đều thống nhất về mua các yếu tố đầu vào, sản xuất và tiêu thụ đầu ra
- B. Syndicate là tổ chức độc quyền thao túng một ngành hàng, còn Trust là tổ chức độc quyền thao túng nhiều ngành hàng
- C. Syndicate là tổ chức độc quyền chi phối thị trường một quốc gia, còn Trust là tổ chức độc quyền chi phối thị trường toàn cầu
- D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 16: Xuất khẩu tư bản là:

- A. Sản xuất Giá trị thặng dư ở trong nước và thực hiện Giá trị thặng dư ở nước ngoài
- B. Sản xuất Giá trị thặng dư ở nước ngoài và thực hiện Giá trị thặng dư ở trong nước
- C. Sản xuất Giá trị thặng dư và thực hiện Giá trị thặng dư ở nước ngoài
- D. Sản xuất Giá trị thặng dư và thực hiện Giá trị thặng dư ở trong nước

Câu 17: Các thành viên tham gia vào Trust thống nhất với nhau về:



- A. Mua hàng hoá đầu vào
- B. Sản xuất hàng hoá
- C. Tiêu thụ hàng hoá
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 18: Các thành viên tham gia vào Syndicate không thống nhất với nhau về:

- A. Mua hàng hoá đầu vào
- B. Sản xuất hàng hoá
- C. Tiêu thụ hàng hoá
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 19: Các thành viên tham gia vào tổ chức độc quyền dưới hình thức Cartel sẽ thoả thuận với nhau về:

- A. Mua hàng hoá đầu vào
- B. Sản xuất hàng hoá
- C. Tiêu thụ hàng hoá
- D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 20: Tư bản tài chính là đặc điểm kinh tế của giai đoạn nào?

- A. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh
- B. Chủ nghĩa tư bản độc quyền
- C. Chủ nghĩa tư bản thời kỳ sơ khai
- D. Tất cả phương án đều đúng